

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 01 - 2021
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.
2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tú T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T trình bày: Vào năm 2012, giữa chị T với bị đơn anh Nguyễn Văn T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết

hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị T với anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 29/9/2015, hiện nay cả hai cháu đang sống với anh T, khi ly hôn chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 11/11/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2012, giữa anh T với chị Bùi Thị Tú T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn; về con chung, giữa anh T với chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh G và Nguyễn Hữu T, cả hai con chung hiện nay đang sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; bản sao giấy khai sinh (Giao, Tình); bản phô tô giấy chứng minh nhân dân; giấy chứng nhận kết hôn, đơn xin xác nhận, giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện; thông báo nộp tạm ứng án phí, biên bản tổng đạt, biên lai thu tạm ứng án phí, quyết định phân công Thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai (anh T, cháu G); thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản hòa giải; biên bản giao nhận hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản tổng đạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Tú T với anh Nguyễn Văn T được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí chị T phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng, nợ chung và tài sản chung không có.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Thời gian ly thân, về quan hệ hôn nhân anh T không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Chị Bùi Thị Tú T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, thời điểm chị T khởi kiện thì anh T có địa chỉ tại Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 26/9/2012, giữa chị Trinh với anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình các năm 2000 và 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T với anh T đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2012, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K. Thời điểm chị T với anh T đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 4 năm 2020 thì chị T với anh T ly thân cho đến nay; theo biên bản xác minh ngày 19/10/2020, thì nguyên nhân anh T với chị T ly hôn địa phương không rõ; về nguyên nhân mâu thuẫn là không lớn, qua động viên nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; tuy nhiên, từ khi ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị T với anh T có 02 con chung, gồm: Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 29/9/2015, hiện nay cả hai cháu đang sống với anh T, khi ly hôn chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng; tuy nhiên, cháu G đã trên 07 tuổi, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020 cháu G có nguyện vọng sống với anh T, còn cháu T chưa đủ 07 tuổi, quá trình thu thập chứng cứ và tại

phiên tòa anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, coi như các bên đã thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu G, do đó tiếp tục giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, nhưng chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, chị T chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị T và anh T đều khẳng định về nợ chung không có, tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị T là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “4. Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì chị T phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, Điều 98, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Bùi Thị Tú T với anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung gồm: cháu Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh ngày 23/5/2013 và cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 29/9/2015. Chị Bùi Thị Tú T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Tú T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003449, ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị T đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng